

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ
-----o0o-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: 38/2024/HSST
Ngày 22 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024. Điểm cầu trung tâm tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Điểm cầu tại Trại tạm giam Công an tỉnh P và được kết nối với điểm cầu tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, điểm cầu Tòa án nhân dân 12 huyện, thành thị trong tỉnh Phú Thọ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐ XXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Hoàng Kim T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 01 tháng 09 năm 1980 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Hoàng Thê P (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1949, hiện ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1979, hiện ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 04/HSST ngày 12/02/2004, Hoàng Kim T bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 15/12/2004, thi hành xong án phí ngày 18/03/2004).

+ Tại Bản án số 13/2015/HSST ngày 30/03/2015, Hoàng Kim T bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 01/12/2016, thi hành xong án phí ngày 25/05/2015).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 03/11/2023, chuyển tạm giam ngày 09/11/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên điều trần Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ).

- Bị hại:

+ Chị Vũ Thị L1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+ Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH T7. Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Minh T1, sinh năm 1985. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà A, đường H, phường G, TP V, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

+ Anh Triệu Anh T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: khu H, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

+ Anh Phan Đức N1, sinh năm 1970. Địa chỉ: khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 2003. Địa chỉ: Khu K, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian giữa năm 2019, Hoàng Kim T thường xuyên đến chơi uống nước tại quán bán nước của chị Vũ Thị L1, sinh năm 1969 ở Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Khi nói chuyện với chị L1, T nhận mình là B1 làm ở Công an huyện C. Sau đó, qua nói chuyện với chị L1 thì T được biết chị L1 đang có nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình chị L1 đang xây

quán ở khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Thấy chị L1 có vẻ nhẹ dạ, cả tin và T nghe nói việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần nhiều tiền nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L1. T nói dối với chị L1 là bản thân có mối quan hệ với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, có khả năng làm giúp thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nghe T nói vậy, chị L1 tin tưởng và nhờ T làm thủ tục giúp mình. Để tạo lòng tin cho chị L1, T hướng dẫn chị L1 cung cấp cho T bản photo chứng minh nhân dân của người muốn đăng ký quyền sử dụng đất, còn những thủ tục khác T sẽ làm hết cho gia đình chị L1. Đồng thời, T lấy lý do phải dùng tiền đi các ban ngành lo chi phí, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L1 để yêu cầu chị L1 đưa cho T số tiền là 22.000.000 đồng. Chị L1 đồng ý nên đã bảo anh Phan Đức N1, sinh năm 1970 ở khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (chồng chị L1) đi photo chứng minh nhân dân của anh N1 và viết 01 đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi làm xong những thủ tục trên, T xuống quán gặp chị L1, chị L1 đưa cho T các giấy tờ trên và số tiền 22.000.000 đồng.

Khoảng nửa tháng sau, T thấy ở khu vực gần quán nhà chị L1 có san lấp đất ruộng, không rõ là làm gì. Do thấy chị L1 dễ bị lừa nên T đã nói với chị L1 là đất ở gần quán nhà chị L1 đang san để cất thổ cư, nếu chị L1 đưa tiền cho T thì T có thể mua giúp chị L1 một ô đất ở khu vực đó với giá rẻ. Chị L1 đồng ý. T yêu cầu chị L1 đưa tiền cho T ba lần với tổng số tiền là 34.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền của chị L1, T đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết mà không làm bất cứ thủ tục gì để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc mua đất cho chị L1 như đã hứa hẹn. Khi chị L1 hỏi thì T lấy lý do là chưa lo được nên phải đợi. Đối với các giấy tờ mà chị L1 đưa thì T đã vứt bỏ luôn trên đường đi về nhà.

Cũng trong khoảng thời gian này, chị Phan Thị Đ, sinh năm 1988 ở khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (là cháu của chị L1) đến nhà chị L1 chơi và được chị L1 kể chuyện đang nhờ anh B1 làm ở Công an huyện – tức T - làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do gia đình chị Đ cũng đang có 01 thửa đất tại khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Đ đã xin chị L1 cho số điện thoại của anh B1 – tức T để liên lạc. Sau đó, chị Đ đã gọi điện gặp T và nhờ T làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình mình (lúc này T sử dụng số điện thoại 0396558735 để liên lạc, trao đổi với chị L1 và chị Đ). Khi nói chuyện với chị Đ thì T vẫn nhận tên mình là B1 và dù không có khả năng làm thủ tục hay quen biết ai để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Đ, nhưng do muốn chiếm đoạt tài sản của chị Đ nên T đã đồng ý và bảo chị Đ cung cấp thông tin vị trí thửa đất và người đang quản lý, sử dụng thửa đất đó. Sau đó, T yêu cầu chị Đ đưa cho T số tiền 22.000.000 đồng để lo chi phí làm thủ tục, còn hồ sơ như thế nào thì T sẽ làm hết cho gia đình

chị Đ. Sau khi nhận được số tiền trên thì khoảng nửa tháng sau, T tiếp tục liên hệ cho chị Đ và bảo chị Điều chuyển thêm cho T số tiền 17.000.000 đồng nữa để lo thủ tục và hứa trong vòng một tháng gia đình chị Đ sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Đ đồng ý và đã đưa số tiền 17.000.000 đồng cho T. Một vài ngày sau, T tiếp tục liên lạc với chị Đ và yêu cầu chuyển thêm tiền cho T để nộp lệ phí nhưng do không có tiền nên chị Đ nhờ T đóng tiền giúp rồi mang hóa đơn về rồi chị Điều chuyển tiền cho T sau. Do T không làm thủ tục gì về đất cho chị Đ, không có hoá đơn, sợ chị Đ đã nghi ngờ nên sau đó Thành không liên lạc với chị Đ nữa. Toàn bộ số tiền mà chị Đ đưa cho T ở trên T đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 24/10/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T tiếp tục nảy sinh ý định liên hệ lại với chị L1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để tạo lòng tin cho chị L1, T đã dùng số điện thoại 0388.820.809 liên hệ với chị L1 và giới thiệu mình tên là H1, là Cán bộ phòng tài nguyên môi trường huyện C, đang giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị L1 tồn từ năm 2019. Đồng thời T cũng sử dụng số điện thoại 0396.558.735 để liên hệ với chị L1 nói là B1 liên hệ để thông báo cho chị L1 biết đang xin thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L1 ở UBND huyện C. Để tạo lòng tin cho chị L1, T dùng số điện thoại 0388.820.809 liên hệ với công ty TNHH T7 và giới thiệu mình tên H1 và muốn thuê đo đạc đất và được công ty T7 đồng ý và thoả thuận giá thuê đo đạc là 2.000.000 đồng với nội dung dịch vụ thực hiện là chỉ đo đất và báo lại thông tin về diện tích. Đến chiều ngày 26/10/2023, anh Triệu Anh T2, sinh năm 1995 ở khu H, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ, là nhân viên đo đạc của công ty được T gọi điện chỉ đường đến thửa đất thuộc khu T, xã Y, huyện C để tiến hành đo đạc (T sợ bị phát hiện không phải là công an nên không đi cùng anh T2). T cũng gọi cho chị L1 nói rằng sau khi nhân viên đo đạc xong thì trả họ 2.000.000 đồng tiền công đo đạc. Chị L1 đồng ý và đã đưa cho anh T2 số tiền là 2.000.000 đồng khi anh T2 đo xong thửa đất của gia đình chị L1. Sau đó, T cũng bảo chị L1 chuyển cho T 37.000.000 đồng để tiếp tục làm thủ tục và do tin tưởng nên chị L1 đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T thuê anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1967 làm xe ôm ở thị trấn C, huyện C xuống nhà chị L1 lấy đồ. Chị L1 tin tưởng rằng gia đình mình sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã chuyển số tiền 39.000.000 đồng (Chị L1 đếm nhầm 2.000.000 đồng) đựng trong túi nilon đen cho anh C để chuyển cho T. Khi T nhận được tiền đã trả cho anh C 150.000 đồng tiền công. Khi chị L1 biết mình chuyển cho T thừa tiền nên liên hệ lại với T thì T nói sẽ dùng số tiền 2.000.000 đồng tiền chuyển thừa để làm phong bì cho các sếp và chiếm đoạt luôn số tiền này. T đã sử dụng số tiền này để tiêu sài cá nhân hết 9.000.000 đồng.

Đến ngày 02/11/2023, T tiếp tục nói dối chị L1 là ở khu vực sân bóng thuộc khu A, xã Y có đất thổ cư cất bán, giá bình thường là khoảng hơn 300.000.000đ/1 mảnh nhưng T mua theo xuất ưu tiên của cán bộ chỉ với giá hơn 100.000.000đ/1

mảnh. Nếu chị L1 muốn mua thì T mua giúp, chị L1 đồng ý. T yêu cầu chị L1 đưa cho T 52.000.000 đồng để đặt cọc mua đất. Chị L1 nói với T do gia đình không có đủ tiền, chỉ lo được 27.000.000 đồng. Để có thể tiếp tục chiếm đoạt được tài sản của chị L1, T đã nói dối là T sẽ cho chị L1 vay 25.000.000 để bù vào số tiền thiếu. Chị L1 đồng ý nên tối ngày 02/11/2023, T đã tiếp tục thuê anh C đi xe xuống gần UBND xã Yên Tập lấy số tiền 27.000.000 đồng mà chị L1 đưa được đút trong 01 túi nilon và mang về gần cây xăng xã S đưa lại cho T. (Cả hai lần khi thuê anh C thì T đều không nói cho anh C biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L1, cũng không nói cho anh C biết đồ đi lấy là tiền và cụ thể là bao nhiêu tiền).

Đến ngày 02/11/2023, qua tìm hiểu, hỏi thăm một số người quen chị L1 được biết ở Công an huyện C không có ai tên là B1 có đặc điểm như chị mô tả về T, nghi ngờ mình bị lừa nên chị L1 đã tới Công an huyện C trình báo sự việc trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành triệu tập Hoàng Kim T tới làm việc. Tại cơ quan điều tra T đã thừa nhận hành vi vi phạm của bản thân như đã trình bày ở trên, đồng thời tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu đen xám, điện thoại đã cũ, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, trong điện thoại lắp 02 sim số là 0396558735 và 0388820809 và số tiền là 57.000.000 đồng.

Cùng ngày 02/11/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Kim T. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Sau khi tiếp nhận tin báo của chị L1, cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo phương thức thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Kim T và truy tìm bị hại. Ngày 06/11/2023 chị Phan Thị Đ đã tới cơ quan điều tra trình bày sự việc bản thân bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã trình bày ở trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 22/ CT - VKSCK - HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố bị cáo Hoàng Kim T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Kim T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T từ 36 đến 39 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Kim T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Bồi thường cho chị Vũ Thị L1 số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng); Bồi thường cho chị Phan Thị Đ số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng);

- Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu đen xám, điện thoại đã cũ, màn hình điện thoại bị nứt vỡ thu giữ của Hoàng Kim T.

Tịch thu tiêu hủy: 02 phôi sim số là 0396558735 và 0388820809 thu giữ của Hoàng Kim T.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/4/2023 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

Xác nhận quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chị Vũ Thị L1 số tiền 57.000.000đ, thu giữ của Hoàng Kim T là tiền mà T lừa đảo chiếm đoạt của chị L1 mà có.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo Hoàng Kim T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và ng- ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp

pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai của họ, được Cơ quan CSĐT tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ được thẩm tra xem xét tại phiên tòa như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Từ khoảng giữa năm 2019 đến ngày 02/11/2023, với thủ đoạn mạo danh cán bộ rồi nhận làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa hẹn mua đất giúp cho chị Vũ Thị L1, Hoàng Kim T đã nhiều lần yêu cầu chị Vũ Thị L1 đưa tiền để lừa đảo chiếm đoạt của chị L1, với tổng số tiền đã chiếm đoạt được là 122.000.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn trên, trong khoảng giữa năm 2019, Hoàng Kim T đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Phan Thị Đ tổng số tiền là 39.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T lừa đảo chiếm đoạt của chị L1 và chị Đ từ giữa năm 2019 đến ngày 02/11/2023 là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Trong vụ án này Hoàng Kim T là người trực tiếp thực hiện hành vi, số tiền bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại, bị cáo đã chi tiêu cá nhân, không đưa cho ai, không bàn bạc với ai. Do vậy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên do một mình Hoàng Kim T thực hiện mà không có đồng phạm.

Hành vi nêu trên của Hoàng Kim T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Kim T có nhân thân.

+ Tại Bản án số 04/HSST ngày 12/02/2004, Hoàng Kim T bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 15/12/2004, thi hành xong án phí ngày 18/03/2004).

+ Tại Bản án số 13/2015/HSST ngày 30/03/2015, Hoàng Kim T bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 01/12/2016, thi hành xong án phí ngày 25/05/2015).

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Kim T phạm tội 02 (hai) lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT để trả cho chị L1 số tiền 57.000.000đ và tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Thế P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng gì, hiện không có việc làm, không giữ chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của chị L1 là 122.000.000đ. Bị cáo T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT để trả cho chị L1 số tiền 57.000.000đ và tác động gia đình bồi thường cho chị L1 số tiền 20.000.000đ. Tổng

là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng). Nay chị L1 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị số tiền 45.000.000đ là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với số tiền 2.000.000đ mà chị L1 trả cho Công ty TNHH T7 khi bị cáo T gọi người của Công ty này đến đo đạc đất của chị L1 để bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo đối với chị L1. Chị L1 yêu cầu bị cáo T phải trả cho chị là phù hợp cần chấp nhận.

[7.2] Đối với số tiền bị cáo T chiếm đoạt của chị Phan Thị Đ là 39.000.000đ. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường trả cho chị Đ số tiền 10.000.000đ. Nay chị Đ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị Đ số tiền 29.000.000đ là phù hợp cần chấp nhận.

[7.3] Tại phiên tòa chị Hoàng Thị Như Q đề nghị đối với số tiền 30.000.000đ (Trong đó, số tiền chị bồi thường cho chị L1 là 20.000.000đ và số tiền chị bồi thường cho chị Đ là 10.000.000đ), đây là tiền chị Q tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo T để bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho chị L1, chị Đ. Chị Q không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu đen xám, điện thoại đã cũ, màn hình điện thoại bị nứt vỡ thu giữ của Hoàng Kim T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định điện thoại trên bị cáo T sử dụng liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 02 gói sim điện thoại số 0396558735 và 0388820809 thu giữ của Hoàng Kim T. Là vật chứng của vụ án và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 57.000.000đ mà T giao nộp cho Cơ quan CSĐT là tiền T lừa đảo chiếm đoạt của chị Vũ Thị L1 nên ngày 14/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Vũ Thị L1 số tiền 57.000.000đ trên là phù hợp.

[9] Đối với Công ty TNHH T7 và anh Triệu Anh T2 không biết việc T thuê đo đất là để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của chị L1, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với Công ty này và anh T2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Đức C, anh C không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L1, không biết đồ mà T thuê anh C đi lấy của chị L1 là tiền mà chị L1 bị lừa đảo chiếm đoạt, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C là đúng quy định.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Hoàng Kim T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I, Áp dụng Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Kim T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

II, Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

III, Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Kim T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Bồi thường cho chị Vũ Thị L1 số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng); Bồi thường cho chị Phan Thị Đ số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng);

IV, Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu đen xám, điện thoại đã cũ, màn hình điện thoại bị nứt vỡ thu giữ của Hoàng Kim T.

Tịch thu tiêu hủy: 02 gói sim số là 0396558735 và 0388820809 thu giữ của Hoàng Kim T.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/4/2023 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

Xác nhận quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chị Vũ Thị L1 số tiền 57.000.000đ, thu giữ của Hoàng Kim T là tiền mà T lừa đảo chiếm đoạt của chị L1 mà có.

V, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo Hoàng Kim T.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND T.Phú Thọ; huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã C;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- L- u HS, AV.

**T/M .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Huyền